

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 07-9-2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Sum

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 76/2017/HN-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền về phần tài sản chung: Dương Mỹ L - sinh năm 1988 (có mặt).

Trú tại: xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988 (có mặt);

Trú tại: xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thanh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T và bị đơn Nguyễn Thanh C trình bày:

Chị T và anh C cưới nhau vào tháng 10 năm 2016, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới chị T và anh C sống hạnh phúc được 02 tuần thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh C ghen tuông vô cớ, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh C đã xúc phạm danh dự chị. Anh C cho rằng chị T bỏ về nhà cha, mẹ ruột do mâu thuẫn về việc trả tiền hình cưới. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn, chị T xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có số vàng cưới gồm: 02 chiếc lắc tay 06 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây chuyền và mặt 05 chỉ vàng 24K; 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K; 01 cặp nhẫn cưới 02 chỉ vàng 18K. Hiện chị đang giữ 01 chiếc nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K; tất cả số vàng còn lại do anh C quản lý. Khi ly hôn, chị yêu cầu chia đôi số vàng 24K, mỗi người 06 chỉ vàng 24k, anh C không đồng ý chia đôi số vàng cưới này cho chị T; đối với cặp nhẫn cưới mỗi người giữ một chiếc, anh C và chị T không yêu cầu giải quyết.

* Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 76/2017/HN-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim T.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh C.

Về tài sản chung: Buộc anh Nguyễn Thanh C giao cho chị Phạm Thị Kim T 06 chỉ vàng 24K là giá trị $\frac{1}{2}$ số vàng cưới. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Chị Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chịu 1.039.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 845.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 34991 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị T còn phải nộp tiếp 459.500 đồng.

(Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.465.000 đồng/01 chỉ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10 tháng 7 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Thanh C có đơn kháng cáo không đồng ý chia cho chị Phạm Thị Kim T 06 chỉ vàng 24K.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện theo ủy quyền về phần tài sản chung có bà Dương Mỹ L không đồng ý theo yêu cầu của anh C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tài sản chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thanh C kháng cáo không đồng ý chia cho chị Phạm Thị Kim T 06 chỉ vàng 24K, tại phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

[2] Về hôn nhân: Anh C, chị T không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết những quyết định khác của Bản án sơ thẩm, nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh C và chị T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn, trong quá trình hôn nhân anh C và Chị T có được số tài sản chung là 12 chỉ vàng 24K, tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân được pháp luật công nhận là tài sản chung của vợ chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. Anh C cũng thừa nhận đây là tài sản của vợ chồng mà sau khi vợ anh bỏ đi anh đã quản lý cất giữ

Tại phiên tòa phúc thẩm anh C không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh Nguyễn Thanh C giao cho chị Phạm Thị Kim T 06 chỉ vàng 24K là giá trị $\frac{1}{2}$ số vàng cưới là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh C.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 76/2017/HN-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tuyên xử:

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh C.

Về tài sản chung: Buộc anh Nguyễn Thanh C giao cho chị Phạm Thị Kim T 06 (sáu) chỉ vàng 24K là giá trị $\frac{1}{2}$ số vàng cưới. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Phần án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chịu 1.039.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 845.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 34991 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị T còn phải nộp tiếp 459.500 đồng.

(Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.465.000 đồng/01 chỉ).

Án phí phúc thẩm: Anh C có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 35491 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, Huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hoàng Hiệp